

*Tuy Hòa, ngày 05 tháng 02 năm 2024*

Số: 04/2024/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 196/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

\* *Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị H**, sinh năm 1995; Địa chỉ: **Thôn P, xã H, tỉnh Phú Yên**.

Bà **Bùi Thị H** ủy quyền cho ông **Lương Công Q**, sinh năm 1992; Địa chỉ: **A L, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên** theo Hợp đồng ủy quyền ngày 11/01/2024.

\* *Bị đơn:* Bà **Trần Thị Thu T**, sinh năm 1975; HKTT: **Thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên**; Chỗ ở hiện nay: **Khu phố B, phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên**.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Lương Công Q**, sinh năm 1992; Địa chỉ: **A L, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên**.

- Bà **Phan Thị Thùy L**, sinh năm 1987; Địa chỉ: **6 P, phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên**.

- Ông **Đinh Tấn D**, sinh năm 1984; Địa chỉ: **Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên**.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Bà **Trần Thị Thu T** phải trả cho bà **Bùi Thị H** tổng cộng số tiền 132.762.000 đồng (*một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) (trong đó tiền cọc 120.000.000 đồng (*một trăm hai mươi triệu đồng*) và tiền lãi theo quy định của pháp luật, thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2023 cho đến nay là 120.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 12 tháng 25 ngày (từ ngày 01/01/2023 đến ngày 26/01/2024) = 12.762.000 đồng (*mười hai triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng*)) về khoản tranh chấp Hợp đồng đặt cọc.

Thời gian và phương thức trả nợ cụ thể như sau: Từ ngày 01/02/2024 đến ngày 01/04/2024 bà **Trần Thị Thu T** phải trả cho bà **Bùi Thị H** dứt điểm số tiền 132.762.000 đồng (*một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 26/01/2024 cho đến khi trả nợ xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà **Trần Thị Thu T** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị đơn bà **Trần Thị Thu T** tự nguyện chịu số tiền 3.319.000 đồng (*ba triệu ba trăm mười chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà **Bùi Thị H** số tiền tạm ứng án phí 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012692 ngày 06/11/2023 và 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012703 ngày 07/11/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp T;
- Chi cục THADS Tp T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Huỳnh Thị Tân Sang**